

Bản án số: 62 /2022/HNGĐ-PT

Ngày: 10 /06 /2022

“V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Các thẩm phán: Ông Hoàng Chí Nguyễn

Bà Bùi Thị Thu Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân

Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Phương Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 06 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình, thụ lý số 48/2022/LHPT ngày 28/04/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 05 năm 2022; của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa:

Nguyên đơn: Ô C. V. T, sinh năm 1976. Địa chỉ nơi cư trú: Thôn 9, xã Đình Xuyên, Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: B. N.T. B sinh năm 1979. Địa chỉ nơi cư trú: Thôn 9, xã Đình Xuyên, Huyện Gia Lâm, Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông C V T trình bày có nội dung sau:

Ông và b. N.T. B tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 17/12/1999, tại UBND xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung trong gia đình về kinh tế và tình cảm. Vợ chồng không tôn trọng nhau, mất lòng tin ở nhau khiến cuộc sống gia đình luôn căng thẳng mệt mỏi. Nay, ông xác

định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với bà N T B

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là C.T.N.H, sinh ngày 20/09/2000 và C.N.Đ, sinh ngày 03/09/2007. Khi ly hôn, ông Thắng đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng anh C.N.Đ, còn chị H đã trên 18 tuổi, trưởng thành thì không yêu cầu giải quyết. Nếu ông được giao nuôi con thì không yêu cầu b. B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Nếu trường hợp Tòa án giao cho b. B được giao nuôi con thì ông đồng ý cấp dưỡng 2,5 triệu đồng/ tháng cho b. B nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn b. N.T. B trình bày:

Về tình cảm: B. B nhất trí như ô. Trình bày về thời gian và nơi đăng ký kết hôn. Theo bà Bình, mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không tôn trọng nhau và mất lòng tin ở nhau, thời gian mâu thuẫn, ô. T đưa người ngoài vào nhà mà không được sự đồng ý của bà Bình. Nay B. B xác định tình cảm vợ chồng tuy mâu thuẫn nhưng vì con cái nên đề nghị hàn gắn để yên ổn gia đình, vì vậy b. B không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án xét thấy cần giải quyết cho b. B ly hôn thì b. B đề nghị ô. T và gia đình ô. T phải đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho bà Bình.

Về con chung: B. B đồng ý như lời khai của ông Thắng về con chung vợ chồng. Quan điểm của b. B là không ly hôn. Nếu phải ly hôn thì b. B đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng anh C. N. Đ, sinh ngày 03/09/2007, yêu cầu ô. T có nghĩa vụ cấp cấp dưỡng nuôi con chung 2,5 triệu đồng/tháng.

Về tài sản: Quá trình giải quyết ngày 31/12/2020 và các đơn khởi kiện bổ sung, b. B có đơn khởi kiện bổ sung đề nghị Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng gồm: Quyền sử dụng đất được bố mẹ chồng tặng cho từ năm 1999, tổng diện tích 230m² nhưng đến năm 2011, bố mẹ chồng bà và cùng ô. T đã tách làm hai thửa là thửa đất số 26(2) diện tích 180m²; thửa đất số 26b diện tích 66,3m². Tổng diện tích hai thửa là 230m² địa chỉ tại thôn 9, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Trên đất đã xây dựng một căn nhà cấp 4 khoảng 50m² để ở. Năm 2008, đập đi xây nhà 2 tầng, tổng diện tích 290m² kinh phí hết khoảng 680 triệu đồng. Theo b. B thì quyền sử dụng đất đã thuộc quyền của vợ chồng nhưng nay bằng thủ đoạn suy tính và lợi dụng sự thiếu hiểu biết của bà Bình nên ô. T và gia đình chồng tước bỏ quyền sử dụng đất của bà. Vì vậy nếu ô. T cố tình ly hôn thì b. B đề nghị Tòa án xác định và giải quyết: Chia tài sản chung vợ chồng là giá trị căn nhà hai tầng, tum xây năm 2008, tổng diện tích 290m² và quyền sử dụng

đất nêu trên. Ngày 31/3/2021, b. Brút một phần yêu cầu đề nghị nếu Tòa án giải quyết thì chỉ đề nghị xác định tài sản chung vợ chồng là giá trị ngôi nhà hai tầng, tum có giá trị khoảng 1.5 tỷ đồng, nếu giải quyết đề nghị được hưởng một phần hai bằng 750.000.000 đồng. B. Đã được Tòa án cho nộp tạm ứng án phí về chia tài sản chung vợ chồng theo đơn yêu cầu khởi kiện. Quá trình giải quyết, b. Đã được Tòa án thông báo về nộp tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ kỹ thuật thửa đất và định giá tài sản, cụ thể hai thông báo của Tòa án. Nhưng sau khi xem xét, suy nghĩ, được tư vấn hỗ trợ của Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp thì bà Bình đề nghị Tòa án giải quyết không chia tài sản chung vợ chồng nữa vì vậy ngày 06/11/2021, bà Bình có đơn xin rút yêu cầu đề nghị Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ kỹ thuật thửa đất và định giá tài sản; Đề nghị Tòa án hoàn trả lại cho b. B số tiền tạm ứng án phí đã nộp về đề nghị chia tài sản chung vợ chồng. Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ, nhưng không thành, trong phiên hòa giải b. B vẫn nguyên đề nghị rút yêu cầu chia tài sản vợ chồng, không giải quyết chia tài sản chung vợ chồng.

Tại phiên tòa ngày 28/12/2021, b. B đề nghị Tòa án xem xét giải quyết chia tài sản chung vợ chồng để bảo vệ quyền lợi cho bà.

Bản án số 443 ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân Huyện Gia Lâm đã tiến hành xét xử và quyết định : Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; điểm c, d khoản 1 Điều 217; Điều 218; Điều 219; điểm c khoản 1 Điều 259 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 19; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa ngày 30/12/2016.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Ô C. V. T .

2. Ô C. V. T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bình.

3. Về con chung: Giao cho Ô C. V. T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là C.N.Đ, sinh ngày 03/09/2007. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà Nguyễn Thị Bình cho đến khi a.C.N.Đ đủ 18 tuổi trưởng thành hoặc đến khi có yêu cầu thay đổi khác.

Đối với c, C.T. N.H, sinh ngày 20/09/2000, đã trưởng thành trên 18 tuổi, sức khỏe bình thường nên không xem xét giải quyết.

B. N.T. Bcó quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của bà Nguyễn Thị Bình.

Hoàn trả b. N.T. B 8.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 72548 ngày 19/04/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm.

Giành quyền khởi kiện giải quyết vụ án tranh chấp về tài sản vợ chồng cho b. N.T. B bằng một vụ án khác khi b. Bcó yêu cầu.

5. Không giải quyết phân chia tài sản chung vợ chồng của ô. T và b. B do đương sự không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự . Không nhất trí với kết quả của bản án sơ thẩm ngày 30/12/2021 b. N.T. B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm . Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đề nghị xem xét quyền lợi cho bà về tài sản .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn đúng qui định BLTTDS năm 2015 . Quá trình xét xử tuân thủ đúng trình tự quy định tại BLTTDS năm 2015. Đương sự trong vụ án đã chấp hành các quy định của pháp luật.

*Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết, Tòa án đã xem xét các yêu cầu của b. B đúng các quy định của pháp luật, b. B đã rút yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ kỹ thuật thửa đất và định giá tài sản; Đề nghị Tòa án hoàn trả lại cho b. B số tiền tạm ứng án phí đã nộp; Đề nghị không giải quyết chia tài sản chung vợ chồng. Nhưng nay tại phiên tòa, b. B lại yêu cầu giải quyết chia tài sản chung vợ chồng vì vậy đề nghị Tòa án căn cứ khoản 3 điều 308 BLTTDS hủy bản án về phần tài sản . Các vấn đề khác giữ nguyên .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công khai và xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn b. N.T. B đang sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại thôn 9, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, Hà Nội, do vậy căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1

Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Đơn kháng cáo của b. N.T. Gửi Tòa án ngày 30/12/2021 trong hạn luật định là hợp lệ.

[2]. Về nội dung vụ án, giải quyết yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân, tình cảm vợ chồng:

***Về quan hệ hôn nhân:**

Ô C. V. T và b. N.T. Btự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/12/1999, tại UBND xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, Hà Nội, vì vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại xã Đình Xuyên, Gia Lâm, Hà Nội, cuộc sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trong làm ăn kinh tế và tình cảm vợ chồng, trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong gia đình. Vợ chồng không tôn trọng nhau, mất lòng tin ở nhau khiến cuộc sống gia đình luôn căng thẳng mệt mỏi. Ô.T và b. B đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, vợ chồng ăn riêng, ngủ riêng, không còn quan tâm đến nhau. Ô. T xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn với bà Bình. B. B không đồng ý ly hôn, quá trình giải quyết Tòa án đã nhiều lần hòa giải, dành thời gian cho b. B có biện pháp hàn gắn tình cảm từ khi Tòa án thụ lý vụ án tháng 11/2020, nhưng chị Bình chưa có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng mà theo ô. T thì tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn hơn. Lời trình bày của chị Hoa con của ông Thắng, b. B hiện đang là sinh viên năm cuối Đại học và a.C.N.Đ sinh năm 2007, ngày 02/7/2021 (B1 92) đều xác nhận cuộc sống chung của bố mẹ không hạnh phúc thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Như vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ô. T và b. B đã trải qua thời gian dài, vợ chồng đã sống ly thân, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã trầm trọng, trong cuộc sống vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau; Mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 19 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ô. T và giải quyết cho Ô C. V. T được ly hôn với b. N.T. B là có căn cứ, Không có cơ sở chấp nhận bác bỏ đơn ly hôn của ô. T với b. B theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[2.2]. Về con chung: Ô C. V. T và b. N.T. B có hai con chung là, C.T. N.H, sinh ngày 20/09/2000 và anh C.N.Đ, sinh ngày 03/09/2007. Do chị Hoa đã trên 18 tuổi, sức khỏe bình thường nên khi giải quyết ly hôn thì không giải quyết việc giao nuôi con đối với chị Hoa là có căn cứ. Đối với anh C.N.Đ, hiện đang ở cùng ô. T ổn định, khi ly hôn cả ông Thắng, b. B đều có nguyện vọng nuôi anh Đ. Nhưng, xét

tài liệu, chứng cứ hồ sơ thể hiện ông Thắng, hiện kinh doanh tự do, theo ông thì ông có thu nhập khoảng 15 triệu đồng tháng, đủ điều kiện kinh tế để nuôi con chung. Hiện ô. T và các con đang ở tại nhà của ông Thắng, b. B. Xây năm 2008, quyền sử dụng đất mang tên ông Cao Văn Chiến bà Cao Thị Vinh nhưng ông Chiến, bà Vinh đều nhất trí để ô. T và các cháu ở. Lời trình bày của anh Đô tại biên bản hòa giải ngày 25/11/2021 trình bày: Bỏ mẹ ly hôn, tôi xin ở với bố. Nguyên vọng của anh Đô muốn được ở với bố để ổn định, phù hợp việc học tập, do vậy khi giải quyết cần xem xét mọi khía cạnh để anh Đô phát triển toàn diện, phù quy định pháp luật về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục, phát triển trẻ em. Do vậy, khi giải quyết ly hôn giữa ông Thắng, b. B. thấy nên tiếp tục giao con chung cho ô. T. Trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Do ô. T. trình bày nếu giao anh Đô cho ông trực tiếp nuôi dưỡng thì không yêu cầu b. B. phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung vì vậy tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với b. B. cho đến khi anh Đô đủ 18 tuổi trưởng thành hoặc đến khi có yêu cầu mới. B. B. có quyền đi lại chăm sóc giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

[2.3]. *Giải quyết yêu cầu kháng cáo của b. B. về xem xét giải quyết tài sản chung vợ chồng :*

+ Theo đơn khởi kiện của Ô C. V. T thì ông chỉ đề nghị Tòa án giải quyết tình cảm chung vợ chồng và tranh chấp nuôi con chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng và công nợ .

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 31/12/2020, b. B. có đề nghị Tòa giải quyết chia tài sản chung vợ chồng, tài sản b. B. đề nghị Tòa giải quyết là giá trị ngôi nhà 2 tầng, tum và quyền sử dụng đất 235m², hiện đứng tên bố mẹ chồng là ông Cao Văn C và bà Cao Thị V. B. B. đã tự định giá tài sản vợ chồng để Tòa án làm căn cứ xác định thông báo tạm ứng án phí bà Bình phải nộp theo quy định. Tòa án đã thực hiện các thông báo cho b. B. về việc nộp tiền tạm ứng án phí bằng các Thông báo số 121 ngày 19/03/2021 và Thông báo số 122 ngày 31/03/2021. Sau đó, tại đơn ngày 31/03/2021, trước khi đề nghị Tòa án xem xét cho thụ lý thì b. B. lại rút một phần yêu cầu chia tài sản vợ chồng, nội dung chỉ đề nghị Tòa án xem xét giải quyết tài sản chung vợ chồng là giá trị ngôi nhà hiện giá trị khoảng 1.500.000.000 đồng, bà có giá trị ½ là khoảng 750.000.000 đồng và đề nghị tòa án xem xét điều kiện kinh tế khó khăn của bà Bình cho b. B. được miễn giảm một phần tiền tạm ứng án phí và chậm nộp tiền tạm ứng án phí. Vì vậy ngày 19/4/2021, bà Bình mới nộp tiền tạm ứng án phí về đề nghị chia tài sản chung vợ chồng. Quá trình giải quyết, ngày 29/9/2021, b. B. có đơn đề nghị Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp, vì vậy Tòa án đã có Thông báo số 08 ngày 04/10/2021 về việc

nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ kỹ thuật thửa đất và định giá tài sản tranh chấp. Thông báo trên của Tòa án đã được giao nộp cho b. Nhưng b. B không đến Tòa án tạm nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ kỹ thuật thửa đất và định giá tài sản tranh chấp, do vậy Tòa án đã phải ban hành Thông báo số 175 ngày 28/10/2021 về nội dung như trên cho Bình, b. B đã nhận thông báo và ngày 6/11/2021, b. B đã có đơn nội dung: Xin rút yêu cầu đề nghị Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ kỹ thuật thửa đất và định giá tài sản; Đề nghị Tòa án hoàn trả lại cho b. B số tiền tạm ứng án phí đã nộp về đề nghị chia tài sản chung vợ chồng, rút yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng. Căn cứ đơn yêu cầu của bà Bình, Tòa án đã không ban hành các Quyết định và tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ kỹ thuật thửa đất và định giá tài sản tranh chấp. Tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 25/11/2021, b. B một lần nữa khẳng định: Rút yêu cầu đề nghị Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ kỹ thuật thửa đất và định giá tài sản; Đề nghị Tòa án hoàn trả lại cho b. B số tiền tạm ứng án phí đã nộp về đề nghị chia tài sản chung vợ chồng, rút yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng. Do đó, tại thời điểm này theo quy định tại điểm c và điểm đ khoản 1 Điều 217 BLTTDS thì Tòa án đình chỉ yêu cầu giải quyết đề nghị chia tài sản chung vợ chồng của b. B và hoàn trả khoản tiền tạm ứng án phí về chia tài sản chung vợ chồng đã nộp cho bà Bình. Như vậy B. B không thực hiện nghĩa vụ đóng chi phí thẩm định, định giá theo qui định tại điều 104, điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự nên cấp sơ thẩm đã tách phần tài sản để b. B khởi kiện vụ kiện chia tài sản sau ly hôn là có căn cứ. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy để đảm bảo hai cấp xét xử cho các đương sự, phần tài sản chung của vợ chồng do ô. T không yêu cầu về tài sản chỉ yêu cầu ly hôn và con chung, B. B có yêu cầu chia tài sản, đã đóng tạm ứng lệ phí nhưng nhiều lần Tòa án yêu cầu nộp lệ phí để thẩm định giá tài sản tranh chấp nhưng b. B không thực hiện nên cấp sơ thẩm không xem xét, Để đảm bảo hai cấp xét xử mới đảm bảo nguyên tắc bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự nên dành cho b. B quyền khởi kiện chia tài sản sau ly hôn. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của b. B về chia tài sản chung.

Quan điểm của viện kiểm sát phù hợp một phần với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[3]. Về án phí và quyền kháng cáo: Ô C. V. T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

B. B phải chịu án phí phúc thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung.

Vì các lẽ trên.Căn cứ khoản 2 điều 308, điều 146, 147 , điều 104, điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự .

QUYẾT ĐỊNH

Các Điều 19; Điều 56;Điều 81;Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa ngày 30/12/2016.

Xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 443 ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân Huyện Gia Lâm :

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Ô C. V. T .

2.Ô C. V. T , sinh năm 1976,được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bình,

3.Về con chung: Xác nhận ông bà có 02 con chung là C . T.Nh.H, sinh ngày 20/09/2000, đã trưởng thành và C.Ng.Đ, sinh ngày 03/09/2007

Giao cho Ô C. V. T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là C.N.Đ, sinh ngày 03/09/2007. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà Nguyễn Thị Bình cho đến khi nào anh Đ đủ 18 tuổi trưởng thành hoặc đến khi có yêu cầu thay đổi khác.

B. N.T. Bcó quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của bà Nguyễn Thị Bình.

Hoàn trả b. N.T. B8.500.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 72548 ngày 19/04/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm.

Giành quyền khởi kiện giải quyết vụ án tranh chấp về tài sản chung vợ chồng cho b. N.T. Bbằng một vụ án khác khi b. Bcó yêu cầu.

6. Án phí:Ô C. V. T phải chịu toàn bộ 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, ô. Tđã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2010/005623ngày 05/11/2020tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm nay chuyển thành án phí Ly hôn sơ thẩm.B. N.T. Bphải nộp 300,000 đồng án phí phúc thẩm đối trừ số tiền đã nộp tại biên lai số 0073117 ngày 17/03/2022 tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Gia Lâm .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án .

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Chí Nguyên Bùi Thị Thu Hồng

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Nơi nhận:

- TAND Huyện Gia Lâm, Hà Nội;
- VKSND huyện Gia Lâm;
- THADS huyện Gia Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Huyền